

VIỆT HÙNG

BỘ ĐỀ KHẢO SÁT CHẤT ĐẦU NĂM

TOÁN - TIẾNG VIỆT

NĂM 2020 - 2021

SACHHOC.COM
LỚP 2



TỦ SÁCH LUYỆN THI

Trường Tiểu học	ĐỀ KIỂM TRA– LỚP 2
Họ và tên	NĂM HỌC: 2020 – 2021
Lớp : 2A.....	Môn: Toán
	Thời gian: 40 phút

ĐỀ SỐ 1

I. Phần trắc nghiệm:

Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng hoặc điền chữ, số vào chỗ chấm:

Câu 1: a, Số gồm 4 đơn vị và 6 chục là:

- A. 46 B. 64 C. 44 D. 66

b, Số 25 đọc là.....

Câu 2: a, Số liền trước của số 30 là.....

b, Số lẻ liền trước của số lớn nhất có hai chữ số là.....

Câu 3: a, Trong phép tính $14 + 36 = 50$, thì 50 được gọi là.....

b, Dòng nào nêu đúng tên gọi thành phần của phép tính $45 - 34 = 11$

- A. Số hạng – số hạng – Tổng B. Số hạng – Số bị trừ - Tổng
C. Số trừ - số hạng - Hiệu D. Số bị trừ - số trừ - Hiệu

Câu 4: a, Từ số 15 đến số 77 có.....số.

b, Trong phép tính cộng, nếu tăng một số hạng lên 23 đơn vị thì tổng.....

Câu 5: a, $4\text{ dm} + 6\text{ cm} = ?$

- A. 10 cm B. 10 dm C. 46 cm 46 dm

b, Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 23, 67, 28, 76, 32, 82.

- A. 23, 67, 28, 76, 32, 82. C. 67, 76, 82, 23, 28, 32
B. 23, 28, 32, 67, 76, 82 D. 82, 76, 67, 32, 28, 23

Câu 6: Một đoạn dây dài 86 cm, người ta cắt ra 4 dm. Hỏi đoạn dây còn lại dài bao nhiêu xăng-ti-mét ?

- A. 46 cm B. 82 cm C. 90 cm D. 44 cm

Câu 7: Hình bên có bao nhiêu đoạn thẳng:

- A. 4 đoạn thẳng 

C. 6 đoạn thẳng

- B. 8 đoạn thẳng
- D. 10 đoạn thẳng

II. Tự luận

Câu 8: Đặt tính rồi tính:

$34 + 23$

$65 - 12$

$49 + 11$

$29 + 37$

.....

.....

.....

.....

Câu 9: Trong vườn có 19 cây cam và 25 cây bưởi. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây cam và cây bưởi ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Câu 10: a, 3 năm trước tổng số tuổi của hai mẹ con là 39 tuổi. Hỏi 2 năm sau tổng số tuổi của hai mẹ con là bao nhiêu ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

b, Viết các số hai chữ số mà hiệu hai chữ số là 6.

Các số đó là.....

Trường Tiểu học Họ và tên Lớp : 2A.....	ĐỀ KIỂM TRA– LỚP 2 NĂM HỌC: 2020 – 2021 Môn: Toán Thời gian: 40 phút
---	---

ĐỀ SỐ 2

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

$32 + 45$

$98 - 42$

$6 + 23$

$78 - 27$

Bài 2: Đúng ghi Đ, sai ghi S:

$67 - 24 = 48$ ☐

$5 + 24 = 29$ ☐

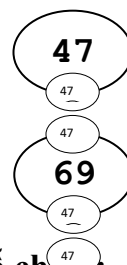
$58 - 27 + 5 = 26$ ☐

$78 - 21 - 13 = 44$ ☐

Bài 3: Nối phép tính đúng với kết quả:

$12 + 23 + 34$

$34 + 25 - 12$



$41 + 28$

$22 + 25$

Bài 4: Điền dấu > ; < ; = thích hợp vào chỗ chấm:

a) $67 - 34$ $4 + 12$

.....

b) $100 - 60$ $20 + 30$

c) $48 - 25 + 6$ $4 + 55 - 32$

.....

d) $98 - 31 - 12$ $13 + 30 + 12$

Bài 5: Lớp 1A có 23 bạn nữ. Số bạn nam trong lớp bằng số bạn nữ. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu bạn?

[illegible]

Bài 6: Một trang trại nuôi 54 con vịt. Người ta đã bán 3 chục con vịt. Hỏi trang trại còn lại bao nhiêu con vịt?

Tóm tắt:

Có :con vịt

Bán : con vịt

Còn lại : con vịt?

ĐỀ SỐ 3

HỌ VÀ TÊN:.....

LỚP:.....

ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT ĐẦU NĂM KHỐI 2

Môn TOÁN - NĂM HỌC 2020-2021

THỜI GIAN: 40 PHÚT

I. Phần trắc nghiệm:

Hãy khoanh tròn vào đáp án đúng hoặc điền chữ, số vào chỗ chấm:

Câu 1: a, Số gồm 4 đơn vị và 6 chục là:

B. 46

B. 64

C. 44

D. 66

b, Số 25 đọc là.....

Câu 2: a, Số liền trước của số 30 là.....

b, Số lẻ liền trước của số lớn nhất có hai chữ số là.....

Câu 3: a, Trong phép tính $14 + 36 = 50$, thì 50 được gọi là.....

b, Dòng nào nêu đúng tên gọi thành phần của phép tính $45 - 34 = 11$

B. Số hạng – số hạng – Tổng

B. Số hạng – Số bị trừ - Tổng

C. Số trừ - số hạng - Hiệu

D. Số bị trừ - số trừ - Hiệu

Câu 4: a, Từ số 15 đến số 77 có.....số.

b, Trong phép tính cộng, nếu tăng một số hạng lên 23 đơn vị thì tổng.....

Câu 5: a, $4 \text{ dm} + 6 \text{ cm} = ?$

B. 10 cm

B. 10 dm

C. 46 cm

46 dm

b, Viết các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 23, 67, 28, 76, 32, 82.

C. 23, 67, 28, 76, 32, 82.

C. 67, 76, 82, 23, 28, 32

D. 23, 28, 32, 67, 76, 82

D. 82, 76, 67, 32, 28, 23

Câu 6: Một đoạn dây dài 86 cm, người ta cắt ra 4 dm. Hỏi đoạn dây còn lại dài bao nhiêu xăng ti mét ?

B. 46 cm

B. 82 cm

C. 90 cm

D. 44 cm

Câu 7: Hình bên có bao nhiêu đoạn thẳng:

C. 4 đoạn thẳng

D. 8 đoạn thẳng



C. 6 đoạn thẳng

D. 10 đoạn thẳng

II. Tự luận

Câu 8: Đặt tính rồi tính:

$34 + 23$

$65 - 12$

$49 + 11$

$29 + 37$

.....

.....

.....

.....

Câu 9: Trong vườn có 19 cây cam và 25 cây bưởi. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây cam và cây bưởi ?

Tóm tắt

Bài giải

.....

.....

.....

.....

Câu 10: a, 3 năm trước tổng số tuổi của hai mẹ con là 39 tuổi. Hỏi 2 năm sau tổng số tuổi của hai mẹ con là bao nhiêu ?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

b, Viết các số hai chữ số mà hiệu hai chữ số là 6.

Các số đó là.....

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM

Họ tên:.....

NĂM HỌC: 2020 - 2021

Lớp:

Tiếng Việt lớp 2

Thời gian làm bài.....phút

Bộ đề khảo sát chất lượng đầu năm môn tiếng Việt lớp 2

ĐỀ SỐ 1

I. ĐỌC HIỂU – ĐỌC TIẾNG:

1/ Đọc hiểu (4 điểm) Em hãy đọc thầm đoạn văn “*Có công mài sắt, có ngày nên kim*” Sách TV 2 – Tập 1, trang 4 và khoanh tròn vào ô trước câu trả lời đúng.

1. Cậu bé học hành như thế nào?

- a. Cậu lười học.
- b. Cậu chăm chỉ học bài.
- c. Cậu cầm quyển sách, chỉ đọc vài dòng đã ngáp ngáp dài, rồi bỏ dở.

2. Những lúc tập viết cậu viết như thế nào?

- a. Cậu viết đẹp.
- b. Cậu viết nguệch ngoạc.
- c. Cậu chỉ nắn nót được mấy chữ đầu, rồi lại viết nguệch ngoạc, trông rất xấu.

3. Cậu bé thấy bà cụ đang làm gì?

- a. Tay cầm que sắt mài vào tảng đá.
- b. Tay cầm thỏi sắt mài miết mài vào tảng đá.
- c. Tay cầm thanh sắt mài vào tảng đá.

4. Bà cụ mài thỏi sắt để làm gì?

- a. Thành một chiếc kim khâu.
- b. Thành một cái gậy.
- c. Thành một que kim.

2/. Đọc thành tiếng (6 điểm) GV cho HS đọc 1 đoạn bất kì trong các bài tập đọc đã học từ tuần 1 đến tuần 2 Tiếng Việt 2 tập 1, và yêu cầu HS trả lời từ 1 câu hỏi về nội dung đoạn vừa đọc.

II. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

1. Chính tả: (7 điểm) Giáo viên đọc cho học sinh viết khổ cuối bài “Ngày hôm qua đâu rồi”. Sách TV2 – Tập 1 trang 10. *Thời gian: 15 phút*

2. Bài tập: (3 điểm) Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống?

a, (lịch, lịch) : tờ, kẻ.....

b, (bàng, vàng) : cây....., cúp.....

c, (sa, xa) :xôi,xuống

HƯỚNG DẪN CHẤM KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM

1/ Đọc hiểu: (4 điểm) Mỗi câu đúng 1 điểm

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
c	c	b	a

2/ Đọc thành tiếng: (6 điểm)

- Học sinh đọc trôi chảy đoạn văn, đảm bảo thời gian quy định (5 điểm). Các mức khác tùy theo mức độ đọc của học sinh để đánh giá.
- Trả lời đúng câu hỏi (1 điểm)

3/ Chính tả: (10 điểm)

- Sai phụ âm đầu, vần, thanh trừ 0,5 điểm
- Bài tập mỗi câu đúng được 1 điểm

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM

Họ tên:.....

NĂM HỌC: 2020 - 2021

Lớp:

Tiếng Việt 2

Thời gian làm bài.....phút

ĐỀ SỐ 2

A. PHẦN I: ĐỌC HIỂU – ĐỌC THÀNH TIẾNG

Đọc hiểu: Đọc thầm bài sau trong thời gian 10 phút

ÔNG TÔI

Ông tôi vốn là thợ gò hàn vào loại giỏi. Có lần, chính mắt tôi đã thấy ông tán đinh đồng. Chiếc búa trong tay ông hoa lên, nhát nghiêng nhát thẳng, nhanh đến mức tôi chỉ cảm thấy trước mặt ông phát phơ những sợi tơ mỏng. Ông là niềm tự hào của gia đình chúng tôi.

Dựa vào nội dung bài đọc, em hãy khoanh tròn vào chữ a hoặc b trước ý em cho là đúng nhất hoặc làm theo yêu cầu

1/ Bài văn trên nói về ai? (15đ)

a/ Bố của tác giả

b/ Ông của tác giả

2/ Ông của tác giả làm nghề gì? (15đ)

a/ Làm thợ gò hàn

b/ Làm thợ điện

3/ Với gia đình tác giả, ông là gì? (15đ)

a/ Là người khỏe mạnh nhất

b/ Là niềm tự hào

4. Tìm tiếng trong bài có vần an (10đ)

.....

5. Bài văn trên có mấy dấu chấm (10đ)

.....

6. Điền vần: ông hay ong (15đ)

Chú em tr..... cây ăn quả và nuôi lấy mật.

B. PHẦN II: CHÍNH TẢ - TẬP LÀM VĂN

1. Nghe viết

HOA SÀU ĐÂU

Vào khoảng cuối tháng ba, các cây sấu đầu ở vùng quê Bắc Bộ đâm hoa và người ta thấy hoa sấu đầu nở như cười. Hoa nhỏ bé lấm tấm mấy chấm đen nở từng chùm, đu đưa như võng mỗi khi có gió...

(giáo viên ghi bài tập bằng cho học sinh chép vào giấy và làm bài)

2. Bài tập

- a. Điền vào chỗ trống c hay k?ím chỉ,ây lúa.
- b. Em chọn chữ nào trong ngoặc đơn để điền vào chỗ trống?
(bàng, bàn) cây, cái

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN TIẾNG VIỆT LỚP HAI

1. Đọc - hiểu: 70 điểm

Câu	1 (15 điểm)	2 (15 điểm)	3 (10 điểm)
Ý đúng	b	a	b

Câu 4: (10đ) từ có vần an là: hàn, tán

Câu 5: (10đ) 4 dấu chấm

Câu 6: (10đ) Chú em trồng cây ăn quả và nuôi ong lấy mật.

2. Chính tả (10 điểm)

Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày đúng bài văn (10đ)

Sai 1 lỗi trừ 1đ. Chữ viết không rõ ràng, sai về độ cao, khoảng cách kiểu chữ, trình bày không đúng thể thức bài viết chính tả, bôi xóa bản (trừ 1đ toàn bài).

3. Bài tập: (10 điểm) mỗi từ điền đúng đạt 2,5 điểm.

a. (5 điểm) kim chỉ, cây lúa.

b. (5 điểm) cây bàng, cái bàn.

Phần đọc thành tiếng do gvcn kiểm tra (10 điểm).

TRƯỜNG TIỂU HỌC.....

KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM

Họ tên:.....

NĂM HỌC: 2020 - 2021

Lớp:

Tiếng Việt 2

Thời gian làm bài.....phút

ĐỀ SỐ 3

I/ Trắc nghiệm

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng (tương ứng với A, B, C hoặc D)

Câu 1: Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

- A. no nê B. lo lắng C. nương thực D. nương ngô

Câu 2: Chim sẻ, chim sâu, quạ, ong, bướm, kiến, chuồn chuồn là các từ chỉ gì?

- A. cây cối B. con vật C. đồ vật D. người

Câu 3: Dòng nào dưới đây đã thành câu?

- A. Bạn nhỏ
B. Hiểu ra rằng cần chăm chỉ học hành
C. Bạn nhỏ hiểu ra rằng
D. Bạn nhỏ hiểu ra rằng cần chăm chỉ học hành.

Câu 4: Bộ phận in đậm trong câu sau trả lời cho câu hỏi nào?

*Những trang giấy **bóng loáng, thơm ơ là thơm.***

- A. là gì? B. làm gì? C. thế nào? D. như thế nào?

Câu 5: Dòng nào dưới đây các chữ cái được viết đúng thứ tự bảng chữ cái?

- A. g; h; i; k. B. h; l; m; k. C. k; l; m; n; o. D. o; ô; ư; g.

Câu 6: Từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

- A. bác sĩ B. khám bệnh C. kĩ sư D. công nhân.

II/ Tự luận

Câu 7: Tìm các từ chỉ đặc điểm có trong hai câu văn sau:

Mùa thu, bầu trời tự nhiên cao bổng lên và xanh trong. Một màu xanh trướng sáo ngọt ngào, êm dịu.

.....
.....

Câu 8: Ai cũng có những người bạn thân. Hãy viết từ 4 đến 5 câu văn để giới thiệu một người bạn thân của em và nêu sự gắn bó giữa em và bạn.

.....

.....

.....

BỘ ĐỀ KIỂM TRA KHẢO SÁT CHẤT LƯỢNG ĐẦU NĂM LUYỆN TẬP

Môn: Toán – Lớp 2

ĐỀ SỐ 1

Bài 1. (1 điểm): Viết các số liên tiếp theo thứ tự giảm dần:

46, 45, 44,,,,,, 38.

Bài 2. (4 điểm): Đặt tính rồi tính:

24+35

72+6

85-23

38-5

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. (1 điểm):

a, Khoanh vào số lớn nhất (0,5 điểm)

54, 57, 76, 28 .

b, Khoanh vào số bé nhất (0, 5điểm)

66, 39, 58 , 35 .

Bài 4. (3 điểm)

Lan gấp được 12 máy bay, Thành gấp được 14 máy bay. Hỏi cả hai bạn gấp được bao nhiêu máy bay?

Bài giải

.....

.....

.....

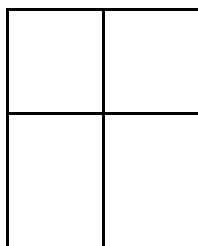
...

.....

Bài 5. (1 điểm)

a, Hình bên có :

.....hình vuông



b, Điền số thích hợp vào ô trống

15	8		15
	7	9	

ĐỀ SỐ 2

1. a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

60;...;...;63;64;65;66;67;...;69 ;

70;71;...;73;74;75;76;...;78;... ;

80;81;82;...;84;85;...;...;88;89;

90;91;92;93;...;95;...;97;98;...;...;

b) Viết các số:

Hai mươi ba:.....

Bốn mươi bảy:.....

Tám mươi ba:.....

Chín mươi tám:.....

Năm mươi tư:.....

Mười chín:.....

Hai mươi một:....

Bảy mươi lăm:.....

Ba mươi:.....

Một trăm:.....

c) Viết các số 63 ; 72 ; 29 ; 43:

+ Theo thứ tự từ bé đến lớn:

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé:

2. Tính:

a) $15 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

b) $18 - 5 + 3 = \dots\dots\dots$

c)

$$\begin{array}{r} 32 \\ + \\ 47 \\ \hline \end{array}$$

d)

$$\begin{array}{r} 79 \\ - \\ 63 \\ \hline \end{array}$$

.....

.....

3. >, <, = ?

$22 + 3 \dots\dots\dots 32 - 7$

$36 + 12 \dots\dots\dots 15 + 33$

$76 - 42 \dots\dots\dots 30 + 8$

$47 + 51 \dots\dots\dots 81 + 12$

4. Viết tiếp vào bài giải:

a) Lớp 1A có 15 học sinh nam và 14 học sinh nữ. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu học sinh ?

Bài giải

Số học sinh lớp 1A có là:

.....

Đáp số:

b) Một sợi dây dài 75 cm, anh Hà cắt đi 40. Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu xăng - ti - mét ?

Bài giải

Độ dài sợi dây còn lại là:

.....

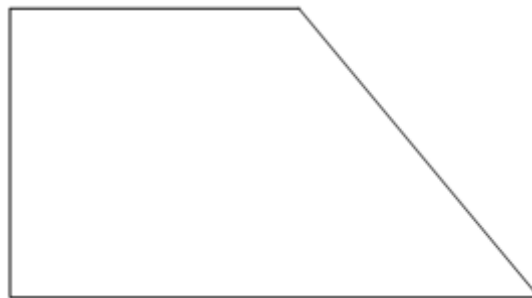
Đáp số:.....

5. Viết tiếp vào chỗ chấm:

Các ngày trong tuần:

Thứ hai, thứ ba,, thứ sáu,, chủ nhật.

6. Vẽ thêm một đoạn thẳng để được một hình vuông và một hình tam giác.



ĐỀ SỐ 3

BÀI 1: Đặt tính rồi tính:

$17+22$

$46+3$

$69-3$

$56-33$

.....

.....

.....

.....

BÀI 2: Sợi dây dài 98cm. Cắt đi 46cm. Hỏi sợi dây còn lại bao nhiêu cm?

.....

.....

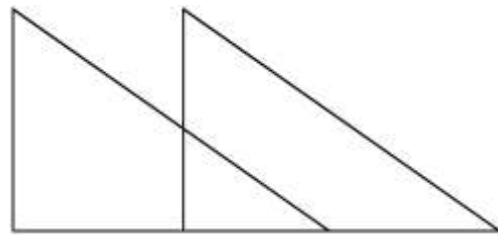
.....

BÀI 3: Hình vẽ bên có mấy hình tam giác:

.....

.....

.....



ĐỀ SỐ 4

Bài 1: (4 điểm): Đặt tính rồi tính.

$63+15$

$78-7$

$42+15$

$98-38$

.....
.....
.....

Bài 2: (2 điểm)

Lớp em có 34 bạn, trong đó có 13 bạn gái. Hỏi lớp em có bao nhiêu bạn trai?

.....
.....
.....
.....

Bài 3: (3 điểm)

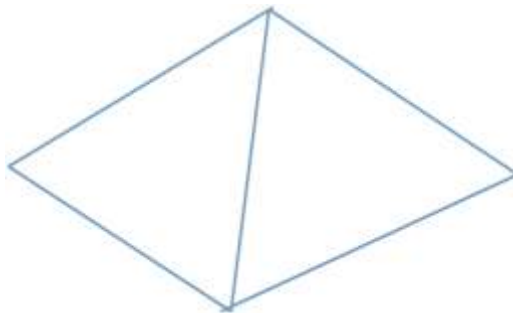
a) Viết số liền sau của số 85 là số.....

b) Viết số liền trước của số 90 là số.....

c) Số ở giữa 35 và 37 là số

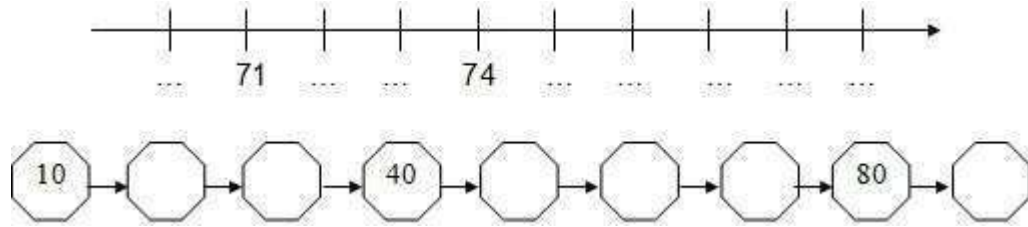
Bài 4: (1 điểm)

Hình bên có.....hình tam giác.



ĐỀ SỐ 5

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ trống: (2 điểm)



Bài 2: (1 điểm)

a. Viết số theo thứ tự từ bé đến lớn: 57, 35, 77, 52, 41

b. Viết số theo thứ tự từ lớn đến bé: 40, 60, 30, 10, 90

Bài 3: Tính (2 điểm)

$$59 + 7 = \dots\dots$$

$$83 - 8 = \dots\dots$$

$$16 - 9 = \dots\dots$$

$$28 + 49 - 22 = \dots\dots$$

Bài 4: Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

$$46 + 35$$

$$53 - 18$$

.....

.....

.....

.....

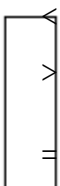
Bài 5: Điền dấu (1 điểm)

$$50 + 7 \dots\dots$$

$$36 + 25$$

$$21 + 68 - 11$$

$$94 - 34$$



Bài 6: iải bài toán sau: (2 điểm)

Mẹ hái được 77 quả cam, chị hái được 45 quả cam. Hỏi mẹ hái nhiều hơn chị bao nhiêu quả cam?

Bài giải

.....

.....

.....

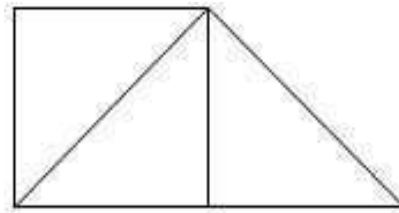
.....

.....

Bài 7: Viết số thích hợp vào ch chấm: (1 điểm)

Hình bên có:

- hình vuông
- hình tam giác
- đoạn thẳng



ĐỀ SỐ 6

Phần I: Trắc nghiệm khách quan

* Hãy khoanh vào chữ cái trước ý em cho là đúng trong mỗi câu sau. Câu

Câu 1: Cho các số 74; 47; 59. Số lớn nhất là:

A. 47

B. 74

C. 59

Câu 2: Phép tính nào có kết quả đúng?

A . $10\text{ cm} + 20\text{ cm} = 30\text{ cm}$

B . $10\text{ cm} + 20\text{ cm} = 40\text{ cm}$

C . $10\text{ cm} + 20\text{ cm} = 30$

Câu 3:

<, >, =

19

--

 26

Câu 4: Hôm qua là thứ tư, hôm nay là

A . Thứ hai

B . Thứ năm

C . Thứ ba

Câu 5: Kết quả của phép tính $57 - 5$ là:

A.50

B.7

C.52

Câu 6: ăng – ti – mét viết tắt là.....

A. cm

B. dm

C. m

Câu 7: Ry số nào được viết theo thứ tự từ bé đến lớn.

A. 43; 45; 44; 46; 47

B. 47; 46; 44; 45; 43

C. 43; 44; 45; 46; 47

Câu 8: Nam có 25 hòn bi, Nam cho bạn 5 hòn. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu hòn bi?

A. 15;

B. 20;

C. 25

Phần II - Trắc nghiệm tự luận

Bài 1: Đặt tính rồi tính :

35+12

94+4

81-11

60-30

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2: Tính:

$60 + 30 = \dots$

$70 - 20 = \dots$

$60 - 30 - 10 = \dots$

$50 + 20 = \dots$

Bài 3: Viết các số sau:

Mười chín:.....

Hai mươi ba:.....

Bốn mươi hai:....

Một trăm:.....

Bài 4: Hà có 35 que tính, Lan có 43 que tính. Hỏi cả hai bạn có tất cả bao nhiêu que tính?

Bài giải

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 5: Vẽ đoạn thẳng AB có độ dài 5 cm

ĐỀ SỐ 7

I, PHẦN TRẮC NGHIỆM : (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1 : Số liền trước của 59 là: a.58 **b.60** c. 61

Câu 2 : Các số 49,86,73,28,56 được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

a.86,49,56,73,28 b. 28,49,56,73,86 **c. 86 ,73 ,56, 49 ,28**

Câu 3: Số 49 gồm: a. 4 và 9 b. 40 và 9 **c. 90 và 4**

Câu 4: Kết quả của phép tính $21 + 35 - 26$ là:
a. 40 b. 30 **c. 31**

Câu 5: Cho $14 + 25 \dots 26 - 2$. ấu đúng để điền vào ch ắm là:

a. > b. < c. =

Câu 6: Kết quả của phép tính $70\text{cm} - 20\text{ cm}$ là:

a. 50 b. 50 cm **c. 90 cm**

Câu 7: Nếu hôm qua là thứ hai thì ngày mai là:

a. Thứ ba b. Chủ nhật **c. Thứ tư**

Câu 8: A _____ B Đoạn thẳng AB dài là:

a. 5 cm b. 6 cm **c. 7cm**

II, PHẦN TỰ LUẬN: (6điểm)

Bài 1 : Đặt tính rồi tính?

$$20+53$$

$$68 -62$$

$$75 -5$$

$$3+24$$

$$42+ 6$$

Bài 2:Đàn dê và cừu có tất cả 25 con. Trong đó có 13 con dê. Hỏi có bao nhiêu con cừu?

Bài giải

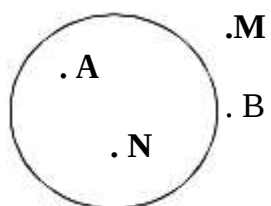
.....
.....
.....

Bài 3: Lớp 1A trồng được 25 cây hoa. Lớp 1B trồng được 20 cây hoa. Hỏi cả hai lớp trồng được tất cả bao nhiêu cây hoa?

Bài giải

.....
.....
.....

Bài 4 :



a, Các điểm ở trong hình tròn là:

b. Các điểm ở ngoài hìnhtròn là:

ĐỀ SỐ 8

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống: (1đ)

12					17	17					12
----	--	--	--	--	----	----	--	--	--	--	----

Bài 2. Đặt tính rồi tính: (2đ)

$43+24$

$87-16$

$67+32$

$86-41$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

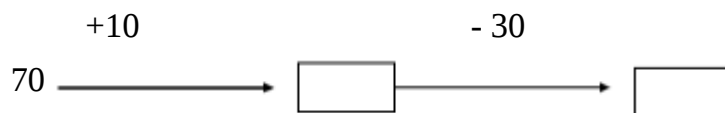
.....

.....

.....

.....

Bài 3. Điền số thích hợp vào ô trống (1đ)



Bài 4. Tính rồi điền kết quả vào chỗ chấm: (2đ)

$10+20+30=.....$

$50-20-10=.....$

$40-20+10=.....$

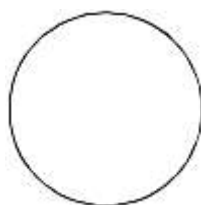
$20+70-30=.....$

Bài 5. Mẹ nuôi gà và thỏ, tất cả có 36 con, trong đó có 12 con gà. Hỏi mẹ nuôi bao nhiêu con thỏ? (2 đ)

Bài giải

.....
.....
.....
.....

Bài 6. Vẽ 2 điểm ở ngoài hình tròn và 1 điểm ở trong hình tròn rồi dùng thước nối các điểm đó lại với nhau và đặt tên cho hình vừa nối được? (1đ)



ĐỀ SỐ 9

Bài 1:

a/ Viết số: (1 đ)

Năm mươi lăm:

Chín mươi mốt:

Hai mươi bảy:

Tám mươi tám:

b/ Đọc số: (1 đ)

63:

45:

27:

32:

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (1 đ)

a/ 47, 48,,, 51,,

b/ 72, 71,,, 69,,, 66,

Bài 3: Tính: (1 đ)

$27 - 3 - 4 =$

$42 + 4 + 4 =$

Bài 4: Khoanh tròn vào chữ cái trước kết quả đúng: (1 đ)

a/ Nam có 20 hòn bi, Nam cho bạn 5 hòn. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu hòn bi?

A.25;

B.18;

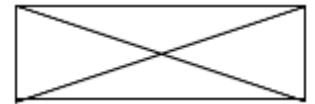
C.15

b/ Hình vẽ bên có số hình tam giác là:

A.4 ;

B.8;

C.6



Bài 5: Đặt tính rồi tính: (2 đ)

$9 + 30$

$26 + 32$

$58 - 8$

$47 - 13$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 6: Bắc có 22 quyển vở bìa đỏ và 16 quyển vở bìa xanh. Hỏi Bắc có tất cả bao nhiêu quyển vở? (2 đ)

Bài giải

.....

.....

.....

Bài 7: Viết số thích hợp vào ô trống. (1 đ)

$33 + \square = 33$

$45 + \square < 48$

$\square + 18 > 28$

$38 - \square = 30$

ĐÁP ÁN THAM KHẢO
ĐỀ SỐ 1

Bài 1. (1 điểm): Viết các số liên tiếp theo thứ tự giảm dần :

46, 45, 44, ...43., ...42..., ...41..., ...40..., ...39..., 38.

Bài 2. (4 điểm): Đặt tính rồi tính:

$$24+35=59$$

$$72+6 =78$$

$$85- 23=62$$

$$38-5=33$$

Bài 3. (1 điểm):

a, Khoanh vào số lớn nhất (0,5 điểm)

54, 57, **76**, 28 .

b, Khoanh vào số bé nhất (0, 5điểm)

66, 39, 58, **35**.

Bài 4. (3 điểm)

Lan gấp được 12 máy bay, Thành gấp được 14 máy bay. Hỏi cả hai bạn gấp được bao nhiêu máy bay ?

Bài giải

Cả hai bạn gấp được số máy bay là:

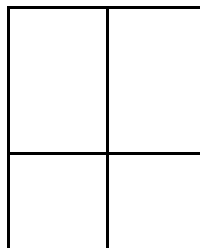
$$12 + 14 = 26 \text{ (máy bay)}$$

Đáp số : 26 máy bay

Bài 5. (1 điểm)

a, Hình bên có:

5 hình vuông.....



b, Điền số thích hợp vào ô trống

15	8	6	15
	7	9	0

ĐỀ SỐ 2

1. a) Điền số thích hợp vào chỗ chấm:

60;61...;...62;63;64;65;66;67;68...;69 ;

70;71;...72;73;74;75;76;77...;78;79... ;

80;81;82;...83;84;85;...86;...87;88;89;

90;91;92;93;...94;95;...96;97;98;...99;...100;

b) Viết các số:

Hai mươi ba:.....**23**

Bốn mươi bảy..... **47**

Tám mươi ba:.....**83**

Chín mươi tám:.....**98**

Năm mươi tư:..... **54**

Mười chín..... **19**

Hai mươi một:.... **21**

Bảy mươi lăm:.....**75**

Ba mươi:..... **30**

Một trăm..... **100**

c) Viết các số 63 ; 72 ; 29 ; 43:

+ Theo thứ tự từ bé đến lớn: 29; 43; 63; 72

+ Theo thứ tự từ lớn đến bé: 72; 63; 43; 29

2. Tính:

a) $15 \text{ cm} + 30 \text{ cm} = 45 \text{ cm}$

b) $18 - 5 + 3 = 13 + 3 = 16$

c)
$$\begin{array}{r} 32 \\ + \\ 47 \\ \hline 79 \end{array}$$

d)
$$\begin{array}{r} 79 \\ - \\ 63 \\ \hline 16 \end{array}$$

3. >, <, = ?

$22 + 3 = 32 - 7$

$36 + 12 = 15 + 33$

$76 - 42 < 30 + 8$

$47 + 51 > 81 + 12$

4. Viết tiếp vào bài giải:

a) Lớp 1A có 15 học sinh nam và 14 học sinh nữ. Hỏi lớp 1A có tất cả bao nhiêu học sinh ?

Bài giải

Số học sinh lớp 1A có là:

$15 + 14 = 29$ (học sinh)

Đáp số: 29 học sinh

b) Một sợi dây dài 75 cm, anh Hà cắt đi 40cm. Hỏi sợi dây còn lại dài bao nhiêu xăng - ti - mét ?

Bài giải

Độ dài sợi dây còn lại là:

$$75 - 40 = 35 \text{ (cm)}$$

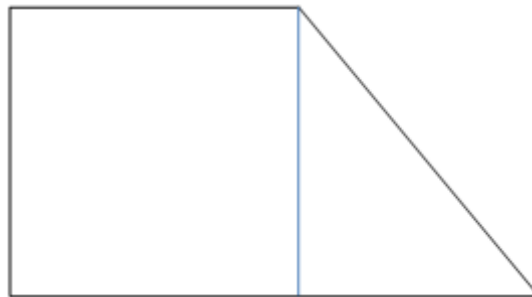
Đáp số: 35cm

5. Viết tiếp vào chỗ chấm:

Các ngày trong tuần:

Thứ hai, thứ ba, ...thứ tư.....,...thứ năm....., thứ sáu,...thứ bảy....., chủ nhật.

6. Vẽ thêm một đoạn thẳng để được một hình vuông và một hình tam giác.



ĐỀ SỐ 3

BÀI 1: Đặt tính rồi tính:

$17 + 22 = 39$

$46 + 3 = 49$

$69 - 3 = 66$

$56 - 33 = 23$

BÀI 2: Sợi dây dài 98cm. Cắt đi 46cm. Hỏi sợi dây còn lại bao nhiêu cm?

Giải:

Sợi dây còn lại dài số xăng-ti-mét là:

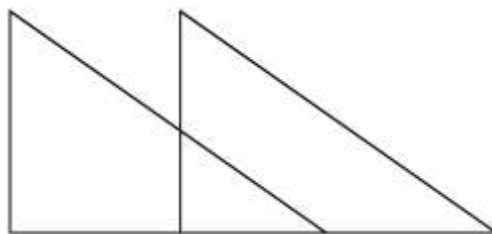
$98 - 46 = 52 \text{ (cm)}$

Đáp số: 52cm

BÀI 3: Hình vẽ bên có mấy hình tam giác:

Hình vẽ bên có 3 tam giác

.....
.....
.....



ĐỀ SỐ 4

Bài 1 (4 điểm): Đặt tính rồi tính.

$$63+15=78$$

$$78-7=71$$

$$42+15=57$$

$$98-38=60$$

Bài 2: (2 điểm)

Lớp em có 34 bạn, trong đó có 13 bạn gái. Hỏi lớp em có bao nhiêu bạn trai?

Hướng dẫn

Lớp em có số bạn trai là: $34 - 13 = 21$ (bạn)

Đáp số: 21 bạn trai

Bài 3: (3 điểm)

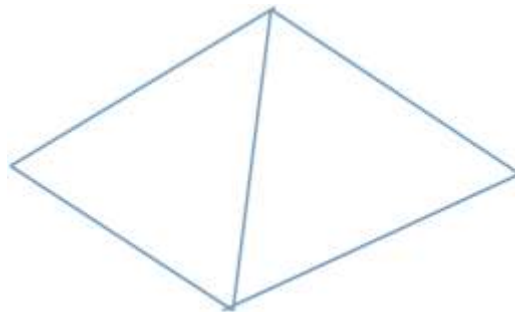
a) Viết số liền sau của số 85 là số **86**

b) Viết số liền trước của số 90 là số **89**

c) Số ở giữa 35 và 37 là số **36**

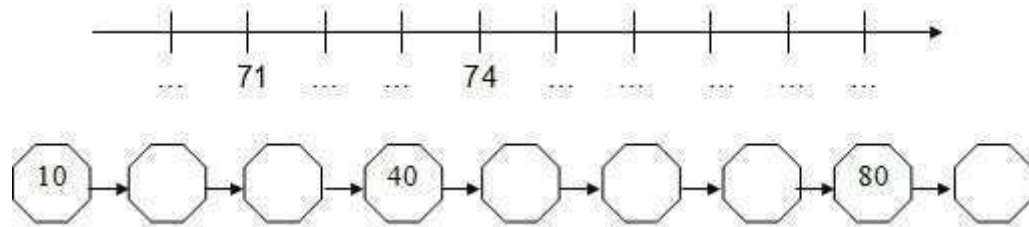
Bài 4: (1 điểm)

Hình bên có...**2**....hình tam giác.



ĐỀ SỐ 5

Bài 1: Điền số thích hợp vào chỗ trống: (2 điểm)



Hình 1: 70; 71; 72; 73; 74; 75; 76; 77; 78; 79

Hình 2: 10; 20; 30; 40; 50; 60; 70; 80; 90

Bài 2: (1 điểm)

a. Viết số theo thứ tự từ bé đến lớn: 57, 35, 77, 52, 41: **35; 41; 52; 57; 77**

b. Viết số theo thứ tự từ lớn đến bé: 40, 60, 30, 10, 90: **90; 60; 40; 30; 10**

Bài 3: Tính (2 điểm)

$$59+7=66$$

$$83-8=75$$

$$16-9=7$$

$$28+49-22=55$$

Bài 4: Đặt tính rồi tính: (1 điểm)

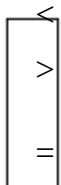
$$46+35=81$$

$$53-18=35$$

Bài 5: Điền dấu (1 điểm)

$$50+7 \dots < \dots$$

$$36+25$$



$$94-34 \dots < \dots$$

$$21+68-11$$

Bài 6: Giải bài toán sau: (2 điểm)

Mẹ hái được 77 quả cam, chị hái được 45 quả cam. Hỏi mẹ hái nhiều hơn chị bao nhiêu quả cam?

Bài giải

Mẹ hái nhiều hơn chị số quả cam là:

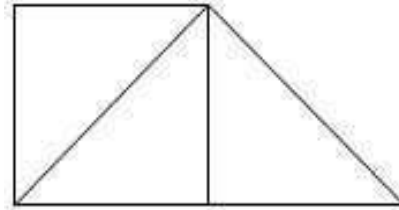
$$77 - 45 = 32 \text{ (quả)}$$

Ds: 32 quả cam

Bài 7: Viết số thích hợp vào chỗ chấm: (1 điểm)

Hình bên có:

-1..... hình vuông
-4..... hình tam giác
-8..... đoạn thẳng



ĐỀ SỐ 6

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	<	B	C	A	C	B

Phần II. Trắc nghiệm tự luận (6 điểm)

Bài 1: Đặt tính rồi tính (2 điểm, mỗi ý đúng được 0,5 điểm)

$35+12$	$94+4$	$81-11$	$60-30$
35	94	81	60
+	+	-	-
<u>12</u>	<u>4</u>	<u>11</u>	<u>30</u>
47	98	70	30

Bài 2: Tính (điểm, mỗi ý đúng 0,25 điểm)

$60+30$	$= 90$	$70-20=50$
$60-30-10$	$= 20$	$50+20=70$

Bài 3: (1 điểm, mỗi ý đúng 0,25 điểm)

Mười chín: 19	Hai mươi ba: 23
Bốn mươi hai: 42	Một trăm: 100

Bài 4: (1 điểm)

Bài giải

Cả hai bạn có tất cả số que tính là: (0,25 điểm)

$$35 + 43 = 78 \text{ (que tính)} \quad (0,5 \text{ điểm})$$

Đáp số : 78 que tính (0,25 điểm)

Bài 5: (1 điểm)

Vẽ được đoạn thẳng có độ dài 5 cm, ghi tên điểm A, B (1 điểm)

Vẽ đúng, không ghi tên điểm (0,5 điểm)

ĐỀ SỐ 7

I, PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số liền trước của 59 là: a.58 b.60 c. 61

Câu 2: Các số 49,86,73,28,56 được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là :

a. 86,49,56,73,28 b. 28,49,56,73,86 c. 86 ,73 ,56, 49 ,28

Câu 3: Số 49 gồm:

a. 4 và 9	b. 40 và 9	c. 90 và 4
-----------	------------	------------

Câu 4: Kết quả của phép tính $21 + 35 - 26$ là:

a. 40 b. 30 c. 31

Câu 5: Cho 14 + 25 26-2. ầu đúng để điền vào ch chấm là:

a. $>$ b. $<$ c. $=$

Câu 6: Kết quả của phép tính $70\text{cm} - 20\text{ cm}$ là:

a. 50 b. 50 cm c. 90 cm

Câu 7: Nếu hôm qua là thứ hai thì ngày mai là:

a. Thứ ba

b. Chủ nhật

c. Thứ tư

Câu 8: A B Đoạn thẳng AB dài là:

a. 5 cm b. 6 cm c. 7cm

II, PHẦN TỰ LUẬN: (6 điểm)

Bài 1: Đặt tính rồi tính?

$20 + 53 = 73$ $68 - 62 = 6$ $75 - 5 = 70$

$$3 + 24 = 27 \qquad 42 + 6 = 48$$

Bài 2: Đàn dê và cừu có tất cả 25 con. Trong đó có 13 con dê. Hỏi có bao nhiêu con cừu?

Bài giải

Số con cừu là:

$$25 - 13 = 12 \text{ (con)}$$

Đáp số: 12 con cừu

Bài 3: Lớp 1A trồng được 25 cây hoa. Lớp 1B trồng được 20 cây hoa. Hỏi cả hai lớp trồng được tất cả bao nhiêu cây hoa?

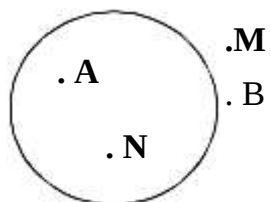
Bài giải

Cả hai lớp trồng được số cây hoa là:

$$25 + 20 = 45 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 45 cây

Bài 4:



a, Các điểm ở trong hình tròn là: A, N

b, Các điểm ở ngoài hình tròn là: M, B

ĐỀ SỐ 8

Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống: (1đ)

12	13	14	15	16	17	17	16	15	14	13	12
----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

Bài 2. Đặt tính rồi tính: (2đ)

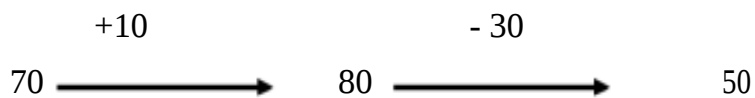
$$43 + 24 = 67$$

$$87 - 16 = 71$$

$$67 + 32 = 99$$

$$86 - 41 = 45$$

Bài 3. Điền số thích hợp vào ô trống (1đ)



Bài 4. Tính rồi điền kết quả vào chỗ chấm: (2đ)

$$10 + 20 + 30 = \dots\dots 60\dots$$

$$50 - 20 - 10 = \dots 20\dots$$

$$40 - 20 + 10 = \dots\dots\dots 30\dots$$

$$20 + 70 - 30 = \dots 60\dots$$

Bài 5. Mẹ nuôi gà và thỏ, tất cả có 36 con, trong đó có 12 con gà. Hỏi mẹ nuôi bao nhiêu con thỏ? (2 đ)

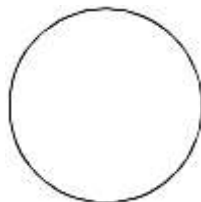
Bài giải

Mẹ nuôi số con thỏ là:

$$36 - 12 = 24 \text{ (con)}$$

Đáp số: 24 con thỏ

Bài 6. Vẽ 2 điểm ở ngoài hình tròn và 1 điểm ở trong hình tròn rồi dùng thước nối các điểm đó lại với nhau và đặt tên cho hình vừa nối được? (1đ)



ĐỀ SỐ 9

Bài 1: a/ Viết số: (1 đ)

Năm mươi lăm: 55 Chín mươi một: 91

Hai mươi bảy: 27 Tám mươi tám: 88

b/ Đọc số: (1 đ)

63: sáu mươi ba

45: bốn mươi năm

27: hai mươi bảy

32: ba mươi hai

Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (1 đ)

a/ 47, 48,49.....,50....., 51,52....., 53.....

b/ 72, 71,70....., 69,68.....,67....., 66,65.....

Bài 3: Tính: (1 đ)

$$27 - 3 - 4 = \dots\dots\dots 20\dots\dots\dots$$

$$42 + 4 + 4 = \dots\dots\dots 50\dots\dots\dots$$

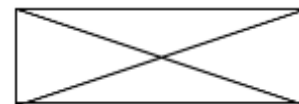
Bài 4: Khoanh tròn vào chữ cái trước kết quả đúng: (1 đ)

a/ Nam có 20 hòn bi, Nam cho bạn 5 hòn. Hỏi Nam còn lại bao nhiêu hòn bi?

A. 25; B. 18; C. 15

b/ Hình vẽ bên có số hình tam giác là:

A. 4; B. 8; C. 6



Bài 5: Đặt tính rồi tính: (2 đ)

$$9 + 30 = 39$$

$$26 + 32 = 58$$

$$58 - 8 = 50$$

$$47 - 13 = 34$$

Bài 6: Bắc có 22 quyển vở bìa đỏ và 16 quyển vở bìa xanh. Hỏi Bắc có tất cả bao nhiêu quyển vở? (2 đ)

Bài giải

Bắc có tất cả số quyển vở là:

$$22 + 16 = 38 \text{ (quyển)}$$

Đáp số: 38 quyển

Bài 7: Viết số thích hợp vào ô trống. (1 đ)

$$33 + \boxed{0} = 33$$

$$45 + \boxed{1} < 48$$

$$\boxed{11} + 18 > 28$$

$$38 - \boxed{8} = 30$$

